

RÈN KĨ NĂNG NÓI CHO HỌC SINH LỚP 1 TRONG MÔN TIẾNG VIỆT – NHÌN TỪ CHƯƠNG TRÌNH, SÁCH GIÁO KHOA SAU 1975

VÕ THỊ TUYẾT MAI*

TÓM TẮT

Chọn góc nhìn từ sách giáo khoa (SGK) sau năm 1975, qua nghiên cứu, chúng tôi thấy rằng: nếu như trước đây, nội dung rèn kĩ năng nói (KNN) trong các bộ SGK Tiếng Việt khá ít, thậm chí là không đề cập, thì bộ SGK Tiếng Việt tiểu học (2000) đã tạo ra nhiều cơ hội cho HS lớp 1 được nói thông qua luyện nói theo chủ đề ở cuối mỗi bài Học vần, các bài Luyện tập tổng hợp và trong các tiết Kể chuyện.

Từ khóa: kĩ năng nói, rèn kĩ năng nói, chương trình, sách giáo khoa Tiếng Việt 1.

ABSTRACT

***Training speaking skill for first graders in the subject Vietnamese Language
– a look back at the curriculum and textbooks after 1975***

Taking a look back at textbooks after 1975, we realize that in the past, the content of training speaking skill in textbooks was rather little or even ignored, but the Vietnamese Language textbook for primary education (2000) has brought about many chances for first graders to speak through talking about specific topics at the end of each Rhyme lesson, General exercises or Story-telling sessions.

Keywords: speaking skill, training speaking skill, curriculum, Vietnamese Language textbook grade 1.

1. Đặt vấn đề

Hình thành và phát triển toàn diện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt: nghe - đọc (tiếp nhận), nói - viết (thực hành) là một trong những mục tiêu quan trọng trong dạy học Tiếng Việt. Cả bốn kĩ năng trên đều có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với mỗi người. Riêng KNN đang ngày càng khẳng định vai trò và vị trí của nó. “Theo tiến sĩ Pamela Snow (Đại học Monash), những trẻ không nhận được sự trợ giúp đầy đủ để phát triển các kĩ năng giao tiếp bằng lời thường gặp khó khăn trong giao tiếp xã hội và phát triển cảm xúc khi chúng lớn lên. Còn theo các nhà

nghiên cứu tâm sinh lí trẻ em thì từ 7 tuổi trở đi, trẻ trở nên khó học ngôn ngữ hơn” (dẫn theo Trần Thị Hiền Lương, 2008). Chính vì điều đó, rèn KNN cho HS cần được tiến hành ngay từ lớp 1.

Có thể nói vấn đề rèn KNN cho HS tiểu học nói chung và HS lớp 1 nói riêng vẫn còn đang là một “khoảng trống khoa học”, do đó cần những nghiên cứu sâu hơn để có thể luận giải tầm quan trọng của việc phát triển KNN cũng như đề ra những nội dung và phương pháp thực hiện một cách hợp lí và cụ thể. Do sự chi phối của phạm vi và thời gian nghiên cứu, chúng tôi chỉ tập trung khảo sát nội

* GV, Trường Tiểu học Thuận Giao, Bình Dương; Email: tuyetmai1203@gmail.com

dung của một số chương trình, SGK Tiếng Việt lớp 1 mà tác giả sưu tầm được.

2. Chương trình và sách giáo khoa Tiếng Việt sau 1975 với việc rèn kỹ năng nói cho học sinh

Cứ liệu phân tích trong bài viết này chủ yếu dựa vào một số chương trình, SGK Tiếng Việt 1 trong giai đoạn từ sau 1975 đến nay: 1) Quyển **Tập đọc 1** (1980) do tác giả Trần Thị Ngọc Bảo - Nguyễn Có biên soạn, Nhà xuất bản Giáo dục; 2) Chương trình **Tiếng Việt 1 Công nghệ giáo dục** của Hồ Ngọc Đại (1984); 3) Quyển **Tiếng Việt 1 - Sách cấp I phổ cập** (1990) do Trịnh Mạnh - Trần Mạnh Hưởng biên soạn dưới sự chỉ đạo của Vụ Giáo dục Phổ thông và Bộ Giáo dục; 4) Bộ **Tiếng Việt 1** do Phạm Bích Hợp - Nguyễn Ngọc Bảo biên tập lần đầu và được Trần Mạnh Hưởng chỉnh lý năm 1994; 5) Bộ **Tiếng Việt 1** theo chương trình Tiếng Việt mới (2000) do Đặng Thị Lan chủ biên.

2.1. Tập đọc 1 (1980)

Quyển sách này không có mục *Luyện nói* như chương trình SGK hiện hành. Nội dung rèn KNN chỉ được tích hợp, lồng ghép trong 2-3 câu hỏi tìm hiểu ở cuối mỗi bài (không có nội dung này đối với Bài đọc thêm).

Ví dụ: Ở tuần lễ thứ năm có bài “Quê em” [1, tr.44]

*Quê em đồng lúa, nương dâu
Bên dòng sông nhỏ nhịp cầu bắc ngang
Đưa xanh tỏa mát đường làng
Ngân nga giọng hát, rộn ràng tiếng thoi.*
(Nguyễn Hồ)

Có 3 câu hỏi tìm hiểu bài, đó là:

- 1) Theo bài này, quê em có những cảnh gì tươi đẹp?
- 2) Em tìm những từ cho biết quê em rất vui, rất nhộn nhịp?
- 3) Em đặt câu với từ “rộn ràng”.

Qua 59 bài văn, bài thơ mà HS học trong 7 tuần lễ, có thể thấy nội dung rèn kỹ năng nói cho HS đã được quan tâm. Tuy nhiên những câu hỏi tìm hiểu bài chủ yếu chỉ mang tính tái hiện, đôi lúc còn lồng ghép thêm một bài tập nhưng vẫn còn đơn điệu, chỉ có kiểu bài chọn từ ngữ điền vào chỗ trống hoặc đặt câu với từ cho sẵn.

2.2. Chương trình Tiếng Việt 1 Công nghệ giáo dục (1984)

Việc hình thành và phát triển các kỹ năng (KN) sử dụng tiếng Việt luôn được đặt bên cạnh mục tiêu cung cấp tri thức tiếng Việt cho HS. Đặc biệt, chương trình Tiếng Việt 1 Công nghệ giáo dục đã xem xét các KN trong mối quan hệ chặt chẽ không thể tách rời. KN nghe nói là KN cơ bản, tạo tiền đề vững chắc cho KN đọc và viết. Cả bốn KN nghe - nói - đọc - viết được tổng hợp và kiểm soát trong quy trình hình thành và phát triển KN viết. Chính vì vậy, ngoài việc tự chiếm lĩnh các kiến thức qua hoạt động tự trải nghiệm, HS còn được hình thành các KN tương ứng một cách tự nhiên. Tư tưởng đó đã được thể hiện ngay trên tên gọi *hệ thống việc làm*, cụ thể:

Việc 1 - Chiếm lĩnh ngữ âm: giúp HS có KN phân tích, KN khái quát hóa.

Việc 2 - Viết: HS dùng kí tự để mã hóa âm thanh dưới dạng chữ viết và củng cố các KN khác.

Việc 3 - Đọc: Dựa trên kết quả đã được hình thành một cách vững chắc từ việc 1 và việc 2, HS đọc và phân biệt chính tả một cách chính xác.

Việc 4 - Viết chính tả: Thông qua quy trình viết chính tả, HS không chỉ được luyện tập củng cố kiến thức và KN đã được học trong quá trình hoạt động mà GV còn kiểm soát được kết quả cuối cùng của HS qua sản phẩm.

Tóm lại, chương trình Tiếng Việt 1 Công nghệ Giáo dục không chỉ giúp trẻ nắm chắc kiến thức ngữ âm, hình thành các KN ngôn ngữ như một công cụ đặc lực trong học tập mà còn giúp HS phát triển khả năng phân tích và tư duy ngôn ngữ một cách chắc chắn thông qua hệ thống việc làm khoa học, tường minh. Tuy nhiên, việc sử dụng công cụ ngôn ngữ trong thực tiễn giao tiếp chưa được quan tâm nhiều.

2.3. Tiếng Việt 1 - Sách cấp 1 phổ cập (1990)

Chương trình phổ cập tiểu học (100 tuần) áp dụng cho hai đối tượng từ 9 - 14 tuổi (chương trình Phổ cập¹) và từ 15 - 35 tuổi (chương trình Bình dân học vụ²). Quyển Tiếng Việt 1 (theo chương trình Phổ cập) gồm 3 phần: 1) Phần chữ cái và âm, 2) Phần vần, 3) Phần Tập đọc (không có câu hỏi tìm hiểu ở phía bên dưới, có bài chỉ yêu cầu HS tập chép vài câu hoặc vài dòng thơ ngắn). Nội dung trong SGK này chỉ chú trọng rèn kĩ năng đọc - viết, không hề đề cập đến nội dung rèn KNN cho HS.

2.4. Tiếng Việt 1 (chỉnh lí năm 1994)

Chương trình này đặc biệt chú trọng đến kĩ năng đọc, viết. Điều này

được thể hiện rõ trong những hướng dẫn chung về dạy học môn Tiếng Việt 1. Theo đó, SGK chủ yếu yêu cầu HS đọc, viết. Sang phần Tập đọc, SGK mới có thêm từ 3 đến 4 câu hỏi tìm hiểu hoặc bài tập.

Ví dụ: Trong bài tập đọc “Tay mẹ” [2, tr.104] có 3 câu hỏi tìm hiểu bài:

1) Tìm và đọc những tiếng trong bài có âm *tr, ch* đứng đầu.

2) Tìm những tiếng trong bài có vần *anh, ach, ươc, uông*.

3) Vì sao em yêu quý đôi tay mẹ?

Có thể thấy những câu hỏi tìm hiểu bài cũng đã đòi hỏi thêm yếu tố suy luận, buộc HS diễn đạt theo cách hiểu của mình, tuy nhiên các bài tập đọc khác, một số câu hỏi tìm hiểu vẫn còn mang tính tái hiện như trong sách Tập đọc (1980). Xem ra, việc rèn KNN cho HS vẫn chưa được chú trọng nhiều. Yêu cầu cần đạt của KNN chỉ dừng lại ở khả năng trả lời được những câu hỏi trong bài tập đọc; biết kể lại một đoạn ngắn trong truyện đã nghe giáo viên (GV) kể.

2.5 SGK Tiếng Việt 1 theo chương trình Tiếng Việt mới (2000)

Chương trình Tiếng Việt năm 2000 được biên soạn dựa trên những định hướng: dạy Tiếng Việt thông qua hoạt động giao tiếp; tận dụng những kinh nghiệm sử dụng tiếng Việt của HS; vận dụng quan điểm tích hợp trong dạy tiếng Việt; kết hợp dạy tiếng Việt với dạy văn hóa và dạy Văn. Đối với HS tiểu học, nói là kĩ năng được rèn qua tất cả các giờ học nhưng tập trung nhất là ở các giờ Kể chuyện và Tập làm văn. Riêng ở lớp 1, HS chủ yếu được rèn kĩ năng nói thông

qua luyện nói theo chủ đề ở cuối mỗi bài Học vần, các bài Luyện tập tổng hợp và trong các tiết Kể chuyện.

2.5.1. Sách giáo khoa môn Tiếng Việt đang áp dụng đại trà hiện nay tạo ra nhiều cơ hội cho HS luyện nói. Ngay từ những bài học đầu tiên của lớp 1, HS đã được luyện nói theo chủ đề. Những chủ đề này tương đối gần gũi: *Bố mẹ ba má; Nhà trẻ; Bé và bạn bè; Người bạn tốt; Điểm 10; Bữa cơm...* do đó GV có thể cho HS sắm vai nhân vật, thể hiện tình cảm của ông bà, ba mẹ đã yêu thương, quan tâm, chăm sóc em, hoặc những tình cảm, việc làm của em thể hiện sự hiếu thảo của một người cháu, người con đối với ông bà, cha mẹ của mình. Điều này phù hợp với tâm lí HS lớp 1 và thuận lợi cho việc dạy học theo nguyên tắc giao tiếp.

Mức độ yêu cầu và hình thức thể hiện của hệ thống bài tập (HTBT) đi từ đơn giản đến phức tạp. Nếu như trong phần luyện âm vần chỉ yêu cầu HS nói một câu hay nhiều câu gắn với âm vần mới học thì trong phần Luyện tập tổng hợp lại yêu cầu HS có KNN ở mức độ cao hơn như nói trong hội thoại, nói độc thoại, nói các câu liên kết với nhau tạo thành ý. Nội dung các bài tập thể hiện thông qua các hình thức khác nhau: hình thức sử dụng nghi thức lời nói, hình thức đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi, hình thức thuật việc và kể chuyện, hình thức nhận xét, đánh giá.

2.5.2. Dù rằng đã xác định những mục tiêu, nội dung dạy học theo định hướng giao tiếp nhằm nâng cao năng lực và KN sử dụng ngôn ngữ của HS, nhưng sau

một thời gian dài triển khai, ta thấy chương trình tiếng Việt 2000 vẫn còn bộc lộ một số vấn đề cần được xem xét, điều chỉnh, bổ sung và nghiên cứu lại cho phù hợp với thực tiễn dạy học và đáp ứng tốt nhất cho mục tiêu chương trình đã đề ra: *Thứ nhất*, chương trình hiện tại chưa chú trọng vào phần luyện ngữ âm, đặc biệt là phần luyện KN phát âm phân biệt các âm - vần khó. *Thứ hai*, hình thức rèn KNN còn đơn điệu, chủ yếu thông qua hình thức quan sát tranh, nói từ, câu chứa âm - vần được học. Nội dung rèn KNN thông qua giao tiếp còn hạn chế. *Thứ ba*, các biện pháp rèn KNN chưa phong phú và đa dạng nên chưa thực sự hấp dẫn đối với HS lớp 1.

Những vấn đề đó được thể hiện cụ thể trong SGK Tiếng Việt 1 (2000) như sau:

- Việc luyện nói thường được sắp xếp ở phần cuối mỗi bài học. Điều đó có những thuận lợi nhất định trong việc tận dụng những kiến thức đã học của HS. Tuy nhiên, để rèn KNN có hiệu quả hơn thì không nên tách chúng riêng rẽ mà cần luyện tập đồng thời với các KN đọc - viết. Việc hình thành và phát triển các KN một cách đồng bộ sẽ tận dụng những tác động tích cực của nhau đồng thời phù hợp với tâm lí nhận thức cũng như quá trình hình thành phát triển tư duy của HS.

- HTBT chưa phong phú, chủ yếu là các bài tập tạo lập ngôn bản nói (nói theo chủ đề), chưa tập trung vào vào loại bài tập rèn KNN theo nghi thức lời nói và đặc biệt là luyện nghe - nói trong hoạt động giao tiếp cụ thể.

Bảng 1. Bài tập rèn KNN trong phần Luyện nói và Kể chuyện

Kiểu bài		Nhóm bài	Số lượng
Luyện nói	Phần Học vẫn	Nói theo chủ đề tranh	6
		Nói theo chủ đề liên quan đến âm – vần mới học	80
		Nói theo nghi thức lời nói	2
	Phần Luyện tập tổng hợp	Nói câu chứa tiếng có vần cho trước	21
		Nói theo đề bài	26
		Nói theo nghi thức lời nói	2
Kể chuyện	Quan sát tranh, nghe kể và nói theo tranh	15	
	Kể từng đoạn hoặc cả câu truyện theo tranh	11	
	Phân vai kể toàn bộ câu truyện	1	

- Số lượng bài tập nói theo chủ đề nhiều, nhưng chủ yếu là bài đọc thoại (đối với HS lớp 1, dạng bài này khó hơn so với bài hội thoại).

- Một số chủ đề còn khó và xa lạ đối với HS (Bài 8 có chủ đề là “le le”; Bài 9 có chủ đề là “vó bè”). Bên cạnh đó, cách đưa ra yêu cầu bài tập còn đơn điệu (đưa ra từ ngữ nêu chủ đề hoặc tranh minh họa cho mỗi chủ đề).

- Quy trình tổ chức luyện nói cho HS còn chung chung. Đa số các bài luyện nói trong sách giáo viên được thực hiện như sau: *Bài luyện nói trong phần Học vẫn*: Một HS (hoặc GV) đọc (hoặc nêu) yêu cầu chủ đề luyện nói → GV đưa ra hệ thống câu hỏi gợi mở, HS trả lời. *Bài luyện nói trong phần Luyện tổng hợp*: HS (hoặc GV) nêu yêu cầu bài tập → HS khá, giỏi thực hiện bài tập để làm mẫu cho các bạn → HS cả lớp luyện nói về đề tài đó → GV (hoặc HS) nhận xét bài nói của HS.

- Các biện pháp vận dụng rèn KNN cho HS chưa tường minh và không có

hướng dẫn cách thực hiện cụ thể: *Bước 1*: HS đọc tên bài luyện nói; *Bước 2*: GV tùy trình độ lớp để có các câu hỏi gợi ý theo tranh cho thích hợp, sau đó đưa ra một loạt các câu hỏi gợi ý. (Phần Học vẫn từ bài 7 → 82, Sách giáo viên Tiếng Việt 1, tập 1). Chính vì những điều đó GV đã không áp dụng được nhiều và cảm thấy lúng túng khi dạy luyện nói cho HS.

Tóm lại, nội dung dạy học của các phân môn Tiếng Việt có nhiều thay đổi nhằm tạo điều kiện cho HS được luyện nói. Tuy nhiên, cần chú ý hơn trong việc lựa chọn chủ đề, cân đối số lượng các bài tập; làm rõ hơn quy trình tổ chức hoạt động rèn KNN, cụ thể hóa việc làm thành các hoạt động nhỏ để thực hiện; hướng dẫn cách vận dụng các biện pháp tổ chức nội dung luyện KNN sao cho phù hợp với tâm lí nhận thức, tạo hứng thú đối với HS lớp 1.

2.5.3. Một bước tiến mới trong việc rèn KNN cho HS lớp 1 được thể hiện cụ thể trong phân môn Kể chuyện (KC). Trước đây, các truyện kể dùng trong giờ KC

được tập hợp thành một quyển sách riêng có tên là Truyện đọc 1. Văn bản truyện khá dài, không tương ứng với chủ điểm của từng tuần. Các kiểu bài tập khá ít, hầu hết chỉ là kể lại từng đoạn và toàn bộ câu chuyện. Đặc biệt là không có nhiều tranh minh họa để làm điểm tựa giúp HS nhớ cốt truyện.

Nội dung phân môn KC trong SGK mới gắn bó chặt chẽ với phân môn Tập đọc và chủ điểm của từng bài học. Ở giai đoạn Học vần, cuối mỗi tiết Ôn tập, HS được nghe kể những câu chuyện đơn giản có tên gọi gắn với các vần mới học và tập kể một vài câu về nội dung câu chuyện dựa theo tranh minh họa. Từ phần Luyện tập tổng hợp trở đi, KC trở thành một phân môn độc lập, các văn bản truyện không được in trong SGK mà được in trong sách giáo viên làm cho giờ KC thực sự là giờ học rèn kỹ năng nghe nói cho HS. Có thể thấy, theo phương pháp dạy KC theo SGK mới thì GV luôn tạo điều kiện cho mọi HS ở các trình độ khác nhau ít nhiều đều được thực hành KC, nói về nội dung câu chuyện. Bên cạnh đó, SGK mới cũng có nhiều tranh minh họa sinh động và các câu hỏi gợi ý làm điểm tựa cho HS thực hành KC.

3. Một vài nhận xét thêm

Những điểm chung sau khi chúng tôi rà soát sơ lược chương trình, SGK Tiếng Việt ở tiểu học từ 1975 đến 2000 như sau: Về mục tiêu, quan niệm về dạy tiếng Việt chưa đầy đủ, chưa làm rõ được việc dạy tiếng Việt nhằm mục đích chính là dạy cho HS biết sử dụng tiếng Việt hiệu quả trong giao tiếp; chương trình Tiếng Việt chưa quan tâm đúng mức tới

yếu tố văn hóa truyền thống của dân tộc để dạy văn hóa ứng xử trong giao tiếp. Về nội dung, các chương trình Tiếng Việt trước 2000 coi nhẹ việc rèn KNN tiếng Việt. Quan niệm về các KN sử dụng tiếng Việt chưa toàn diện, bỏ qua một số KN cần thiết như KNN trong hội thoại, trong giao tiếp ở gia đình, nhà trường, xã hội... Bên cạnh đó, quan niệm cũ chưa khai thác vốn tiếng Việt sẵn có của HS trong quá trình dạy học tiếng Việt. Quan niệm về các văn bản dùng làm ngữ liệu dạy học chưa toàn diện, thiên về các văn bản mang tính nghệ thuật, chưa coi trọng các loại văn bản khác cần sử dụng trong đời sống. Về phương pháp, các phương pháp dạy học theo quan điểm giao tiếp chưa được sử dụng trong dạy và học Tiếng Việt. Việc luyện tập các KN chưa được đảm bảo độ thành thạo, thuần thục nên đã hạn chế đến kết quả học tiếng Việt nói chung.

Ở Việt Nam những năm gần đây, SGK dạy học tiếng Việt có nhiều đổi mới đáng kể. Nội dung dạy học không còn thiên về cung cấp tri thức Việt ngữ học nữa mà đã chú ý đến rèn kỹ năng sử dụng ngôn ngữ. Nhưng nhìn chung, yêu cầu về rèn luyện kỹ năng (nhất là kỹ năng nói) vẫn còn thấp hơn so với nội dung trong SGK dạy ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ của các nước phát triển và số tiết dạy liên quan đến kỹ năng này cũng ít hơn. “SGK Tiếng Pháp từ lớp 1 đã dành 30 phút/ tuần để dạy HS tranh luận về cuộc sống của các em trong tập thể lớp học hoặc dạy “diễn kịch”. SGK tiếng Anh cho HS người Anh từ lớp 1 đã chú trọng dạy HS “diễn kịch, thể hiện tình huống kịch và nhân vật bằng

ngôn ngữ và hành động, bộc lộ cảm xúc, cá tính”; dạy “thảo luận nhóm, nói theo lượt lời, có lí lẽ, trình bày quan điểm cá nhân”. Trẻ em Mĩ ở tuổi mới đến trường đã biết diễn kịch, thực hiện nghi thức đặt tay lên ngực nói lời tuyên thệ của công dân” (dẫn theo Nguyễn Minh Thuyết, 2012). Như vậy, nhìn chung, nội dung SGK Tiếng Việt 1 (2000) đặt yêu cầu rèn luyện KNN thấp hơn so với nội dung trong SGK dạy ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ của các nước phát triển như Pháp, Anh, Mĩ.

4. Thảo luận và đề xuất

Việc rèn KNN cho HS được xem xét từ các bình diện ngữ âm, từ vựng và cú pháp. Nói cách khác, HS được luyện cách phát âm, tăng cường vốn từ, luyện cách diễn đạt câu và vận dụng năng lực ngôn ngữ vào các hoạt động giao tiếp hàng ngày. Việc lệ thuộc vào SGK, sách giáo viên một cách cứng nhắc tạo nên những hệ lụy đáng tiếc. Chúng tôi thật sự kì vọng chương trình SGK sau 2015 sẽ có những bước tiến mới, thông qua việc rà soát nội dung chương trình SGK hiện tại, bổ sung những nội dung mới phù hợp với tình hình phát triển của đất nước, đồng thời cân đối nội dung KNN để mang lại hiệu quả cao nhất. Bên cạnh những ý kiến về nội dung chương trình SGK, chúng tôi xin phép đề xuất thêm một số biện pháp cần phải tiến hành đồng bộ như sau:

Thứ nhất, cần đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát huy năng lực HS. Điều này phù hợp với nội dung đề án đổi mới chương trình,

SGK giáo dục phổ thông do Bộ giáo dục và Đào tạo xây dựng năm 2014. *Về phương pháp*, GV cần khai thác tối đa nội dung trong phân môn Kể chuyện. Thực tế cho thấy không phân môn nào chỉ rèn luyện một kĩ năng, tuy nhiên, kể chuyện giúp rèn luyện kĩ năng nói ở trình độ cao, kĩ năng nói mang tính nghệ thuật (vì kể chuyện là lời độc thoại mang tính nghệ thuật nhằm truyền đến người đọc không phải những thông báo khô khan, nhạt nhẽo mà là một văn bản nghệ thuật)... *Về hình thức*, GV cần phối hợp nhịp nhàng các hoạt động ngoại khóa khác để phát triển kĩ năng nói cho HS, thường xuyên tổ chức cho HS trao đổi, tranh luận ý kiến trong các giờ học chính thống và hoạt động ngoài giờ lên lớp trong khi chờ đợi một bộ SGK mới thật sự theo hướng tiếp cận năng lực.

Thứ hai, cần có những hướng dẫn cụ thể để GV có thể mạnh dạn, linh hoạt thay thế nội dung chương trình SGK (nhất là phần Luyện nói) để các em có thể tiếp thu một cách dễ dàng, hiệu quả hơn phù hợp với từng vùng miền, để tránh cách dạy “vừa thừa lại vừa thiếu”.

Thứ ba, phần lớn GV vẫn chưa quen dạy những kĩ năng như thuyết trình – tranh luận, giới thiệu địa phương, đối thoại phù hợp với mục đích, đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp, kể chuyện đã chứng kiến và tham gia... thậm chí còn khá yếu kém về những kĩ năng này. Vì vậy, thường xuyên tổ chức các lớp chuyên đề rèn kĩ năng nói cho GV là điều hết sức cần thiết.

¹ Dành cho đối tượng chưa được đến trường, có thể học để kịp theo học chương trình trung học.

² Dành cho những người dân có nhu cầu học tập, có thể linh hoạt thời gian và địa điểm. Do giới hạn thời gian nghiên cứu, tác giả vẫn chưa tìm được quyền này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1991), *Tập đọc 1*, tái bản lần thứ mười một, Nxb Giáo dục.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1999), *Tiếng Việt 1, Tập 1-2*, tái bản lần 10, Nxb Giáo dục.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Tiếng Việt 1, Tập 1-2*, tái bản lần năm, Nxb Giáo dục.
4. Hồ Ngọc Đại, Phạm Toàn (1994), *Công nghệ giáo dục và công nghệ dạy Tiếng Việt tiểu học*, Tài liệu bồi dưỡng giáo viên dạy theo phương án công nghệ giáo dục ở tiểu học, Vụ Giáo viên.
5. Nguyễn Thị Ly Kha (2014), “Mô hình sách giáo khoa Việt ngữ bậc tiểu học ở miền Nam trước 1975”, *Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP HCM*, (56), tr.179-190.
6. Trần Thị Hiền Lương (2008), *Một số biện pháp nâng cao hiệu quả rèn kỹ năng nói cho học sinh tiểu học ở môn tiếng Việt*, Đề tài nghiên cứu khoa học của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
7. Lê Phương Nga, Đỗ Xuân Thảo, Lê Hữu Tinh (2001), *Giáo trình Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1 (dành cho hệ đào tạo cử nhân giáo dục tiểu học tại chức từ xa)*, tái bản lần thứ nhất, Nxb Giáo dục.
8. Nguyễn Minh Thuyết (2012), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt nhìn từ tiểu học*, Nxb Giáo dục.
9. Nguyễn Trí (2007), *Dạy và học môn Tiếng Việt ở Tiểu học theo chương trình mới*, Nxb Giáo dục.
10. Ngô Hiền Tuyên (2013), *Rèn kỹ năng nghe – nói cho học sinh lớp 1 trong dạy học tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-02-2015; ngày phản biện đánh giá: 15-4-2015;
ngày chấp nhận đăng: 05-6-2015)